

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 157/2023/HS-ST
Ngày 29-12-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huỳnh Đức

Thẩm phán: Ông Bùi Ngọc Thạch

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Văn Diễm

Ông Trần Bá Luận

Bà Từ Thị Nga.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tường - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Hữu Hải - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 và 29 tháng 12 năm 2023 tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 140/2023/TLST-HS ngày 08 tháng 9 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 161/2023/TLST-HS ngày 14 tháng 11 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn K sinh ngày 09 tháng 4 năm 1985 tại tỉnh Bình Dương; nơi cư trú: số F, khu phố I, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Đ (đã chết) và bà Phạm Kim T; có vợ là Nguyễn Thị X (bị cáo trong vụ án) và 02 con nuôi; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/3/2023 đến nay, có mặt.

2. Nguyễn Thị X sinh ngày 13 tháng 02 năm 1988 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi đăng ký thường trú: xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi; nơi đăng ký tạm trú: số F, khu phố I, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn M và bà Nguyễn Thị T1; có chồng là Phạm Văn K (bị cáo trong vụ án) và 02 con nuôi; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 06/01/2010, Công an thành phố B, tỉnh Đồng Nai xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài

sản của người khác”, phạt tiền 100.000 (một trăm nghìn) đồng theo Quyết định xử phạt hành chính số 01 ngày 06/01/2010, đã chấp hành xong; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/3/2023 đến nay, có mặt.

3. Lê Duy Tân sinh ngày 10 tháng 8 năm 1983 tại tỉnh Bình Dương; nơi cư trú: số C, tổ G, khu phố H, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị M1; có vợ là Thái Thị T2 và 02 con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân:

- Ngày 23/6/2008, Tòa án thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương xử phạt 08 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, ngày 01/11/2008 chấp hành xong.

- Ngày 21/10/2009, bị Ủy ban nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định đưa vào cơ sở chữa bệnh thời gian 24 tháng và được Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phân bổ vào Trung tâm Cai nghiện ma túy Bồ Lá, ngày 02/11/2011, chấp hành xong;

- Ngày 15/5/2012, bị Công an xã B (nay là phường B), thành phố T xử phạt 1.000.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”.

- Ngày 27/5/2012, bị Công an thị xã T (nay là thành phố T) bắt về hành vi “Trộm cắp tài sản” theo Quyết định tạm giữ số 465 ngày 27/5/2012; số danh bản 338, lập ngày 31/5/2012.

- Ngày 16/10/2012, bị Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương quyết định đưa vào cơ sở chữa bệnh thời hạn 24 tháng, ngày 25/10/2014, chấp hành xong.

- Ngày 30/3/2015, bị Toà án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm G thời hạn 24 tháng, ngày 12/01/2017, chấp hành xong;

- Ngày 25/12/2017, bị Công an phường P, thành phố T xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản”;

- Ngày 03/8/2018, bị Tòa án nhân dân thành phố T xử phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; Ngày 25/10/2018, bị Tòa án nhân dân thành phố T xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt hai bản án là 01 năm 09 tháng tù, đến ngày 19/10/2019, chấp hành xong.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/3/2023 đến nay, có mặt.

4. Đoàn Minh L sinh ngày 10 tháng 01 năm 1979 tại tỉnh Bình Dương; nơi cư trú: Tổ D, khu phố C, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 4/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Phi H1 (đã chết) và bà Trần Thị T3; có vợ là Tống Thanh V và 01 con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân:

- Ngày 16/8/2007, Công an thị xã (nay là thành phố) T xử phạt 350.000 đồng (ba trăm năm mươi nghìn đồng) về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”, đã chấp hành xong.

- Ngày 19/3/2008, bị Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định đưa vào cơ sở chữa bệnh về hành vi sử dụng chất ma túy, ngày 19/02/2010, chấp hành xong.

- Ngày 25/5/2012, bị Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) T quyết định đưa vào cơ sở chữa bệnh về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”, ngày 14/6/2014 chấp hành xong.

- Ngày 21/9/2018, Tòa án thị xã B xử phạt 08 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bình Dương, đến ngày 25/12/2018 chấp hành xong. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/3/2023 đến nay, có mặt.

5. Lê Trần Quốc P sinh 01 tháng 3 năm 1981 tại tỉnh Bình Dương; nơi cư trú: số E đường H, tổ A, khu D, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn H2 và bà Trần Thị N; có vợ là Trần Thị Minh T4 và 01 con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/3/2023 đến nay, có mặt.

- *Người bào chữa chỉ định cho các bị cáo Phạm Văn K:* bà Nguyễn Thị Xuân H3 - Luật sư Văn phòng L3 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương, vắng mặt (có bài luận cứ bào chữa).

- *Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Nguyễn Thị X:* bà Nguyễn Thị Thúy H4 - Luật sư Văn phòng L4 Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương, có mặt.

- *Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Lê Duy T5:* ông Bùi Xuân N1 - Luật sư Văn phòng L5 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương, có mặt.

- *Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Đoàn Minh L:* ông Phạm Hữu Tuấn M3 - Luật sư Văn phòng Luật sư Phạm Hữu T6 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ông Tăng Ngọc T7, sinh năm 1972; nơi thường trú: số B, ấp C, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

2. 2. Ông Trần Anh H5 sinh năm 1998; nơi thường trú: số G đường T, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, nơi tạm trú: số E, hẻm I, tổ A, khu phố F, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

3. 3. Bà Phạm Lệ H6, sinh năm 1978; nơi thường trú: số F, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Hà Hữu H7, vắng mặt.
2. Ông Nguyễn Trường A, vắng mặt.
3. Ông Phạm Văn C, vắng mặt.
5. Ông Tô Thế L1, vắng mặt.
6. Bà Phạm Thị D, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ 00 phút ngày 14/3/2023, tại ngã 3 đường M -T giao nhau đường Đ thuộc khu I phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Bình Dương bắt quả tang Lê Trần Quốc P có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, tang vật thu giữ gồm:

- 01 (một) đoạn ống hút nhựa hàn kín hai đầu, bên trong chứa chất màu trắng có khối lượng: 0,1177 gam;
- 01 (một) xe mô tô kiểu dáng Wave màu đỏ, biển số: 61B1-153.xx;
- 01 (một) vỏ bao thuốc lá hiệu Jet;
- 02 (hai) ống bơm kim tiêm;
- ½ dao lam.

Quá trình điều tra, P khai nhận chất màu trắng bên trong đoạn ống hút là ma túy, loại Heroine mua của Phạm Văn K, cư trú tại khu I, phường P, thành phố T, Bình Dương với giá 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Căn cứ tài liệu xác minh và chứng cứ thu thập được, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương mời làm việc các đối tượng liên quan:

- Đoàn Việt A1, sinh năm 1996, nơi thường trú: số tổ C, khu H, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.
- Nguyễn Thành T8, sinh năm 1984, nơi thường trú: phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

Việt A1 và T8 khai nhận thường xuyên đến nhà Phạm Văn K, Nguyễn Thị X để mua ma túy, loại Heroine nhằm mục đích sử dụng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Phạm Văn K, Nguyễn Thị X tại địa chỉ số F, tổ H, khu I, phường P, thành phố T, Bình Dương. Quá trình khám xét phát hiện, thu giữ:

- Tại vị trí giữa phòng khách, trên nền nhà phát hiện:
- + 27 (hai mươi bảy) đoạn ống hút màu trắng hàn kín (Ký hiệu M1-1);

- + 04 (bốn) đoạn ống hút màu xanh hàn kín (Ký hiệu M1-2);
- + 06 (sáu) gói nylon gói kín (Ký hiệu M1-3);
- + 01 (một) gói nylon miệng kéo dính bên trong chứa chất màu trắng (Ký hiệu M1-4);
- + 02 (hai) ống kim tiêm đã qua sử dụng;
- + 01 (một) kéo kẹp màu bạc;
- + 01 (một) kéo cắt màu bạc;
- + 02 (hai) lưỡi dao lam đã qua sử dụng;
- + 01 (một) gói nylon bên trong chứa nhiều ống hút;
- + 03 (ba) tờ Polime mệnh giá 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng);
- + 07 (bảy) tờ Polime mệnh giá 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng);
- + 07 (bảy) tờ Polime mệnh giá 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng);
- + 06 (sáu) tờ Polime mệnh giá 50.000 đồng (năm mươi nghìn đồng).

- Tại vị trí bàn gỗ trong phòng khách phát hiện: 01 (một) gói nylon miệng kéo dính bên trong chứa chất màu trắng (Ký hiệu M2).

- Tại vị trí phòng ngủ thứ nhất trên chiếc bàn xếp, góc trái phòng sau cửa vào phát hiện: 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy.

- Tại vị trí vườn sau nhà, trên cây nhàu sát bên nhà kho phát hiện: 01 (một) túi nylon màu trắng bên trong có một túi nylon màu xanh, bên trong túi nylon màu xanh có:

- + 01 (một) gói nylon miệng kéo dính bên trong chứa chất màu trắng (Ký hiệu M3-1);
- + 01 (một) gói thuốc lá nhãn hiệu JET, bên trong có 02 (hai) gói nylon hàn kín đều chứa chất màu trắng (Ký hiệu M3-2);
- + 01 (một) cân tiểu ly màu bạc.

Tại Kết luận giám định số 138/KL-KTHS(MT) ngày 21/03/2023 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Bình Dương, kết luận: Mẫu chất màu trắng, gửi giám định là ma túy, loại Heroine, có khối lượng: 0,1177 gam (thu giữ của Lê Trần Quốc P).

Tại Kết luận giám định số 139/KL-KTHS(MT) ngày 21/03/2023 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Bình Dương, kết luận:

- Mẫu chất màu trắng gửi giám định là ma túy, loại Heroine, có khối lượng: 1,9984 gam (M1-3); 0,6643 gam (M1-4); 22,4534 gam (M3-1); 6,2997 gam (M3-2). Tổng khối lượng: 31,4158 gam.

- Mẫu các chất tinh thể màu trắng gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine khối lượng/trọng lượng: 0,1480 gam (M2) (thu giữ của Phạm Văn K).

Tại Kết luận giám định số 139A/KL-KTHS(MT) ngày 31/03/2023 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Bình Dương, kết luận:

- Chất màu trắng và tinh thể màu trắng gửi giám định là ma túy, loại Heroine và M4, có khối lượng: 3,6978 gam (M1-1); 0,6888 gam (M1-2) (thu giữ của Phạm Văn K)

Quá trình điều tra, xác định hành vi phạm tội của Phạm Văn K, Nguyễn Thị X, Lê Duy T5, Đoàn Minh L và Lê Trần Quốc P như sau:

1. Hành vi Mua bán trái phép chất ma túy của Phạm Văn K, Nguyễn Thị X, Lê Duy T5, Đoàn Minh L:

Phạm Văn K, Nguyễn Thị X là vợ chồng và cùng kinh doanh mua bán gà tại nhà số F tổ H, khu I, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. K là đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy từ tháng 10/2021, để có tiền tiêu xài, ma túy sử dụng, K đã lợi dụng hoạt động mua bán gà và lôi kéo X cùng Lê Duy T5, Đoàn Minh L vào hoạt động mua bán trái phép chất ma túy từ khoảng tháng 10/2022 đến ngày 14/3/2023 thì bị bắt.

Hình thức hoạt động là Kỹ thuật Hình sự mua của đối tượng tên P1 tại Thành phố Hồ Chí Minh với giá tiền một lần mua ma túy là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), cách khoảng 07 đến 10 ngày K mua một lần và đem về cất giấu tại chỗ ở nêu trên, sau đó phân chia ma túy thành từng tép theo số lượng người mua đặt hàng và bỏ vào trong các đoạn ống hút hàn kín lại bán với giá tiền: đoạn ống hút chứa ma túy nào ghi số 1 giá 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng), ghi số 3 giá 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), không ghi giá 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng). Do người mua ma túy thường xuyên mua giá 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) nên K phân sẵn nhiều loại này để thuận tiện trong quá trình mua bán ma túy. K, X trực tiếp bán ma túy cho các đối tượng mua và thu tiền. Ngoài ra, K và X thuê T5, L phụ dọn dẹp nhà, làm gà và đi giao ma túy cho người mua nhận tiền về đưa lại cho K, X. T5 và L được K, X trả công bằng cách cho ma túy sử dụng mỗi ngày 03 lần không lấy tiền, cho ăn uống và cho tiền tiêu xài từ 50.000 đồng (năm mươi nghìn đồng) đến 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng). Hành vi của các bị cáo thể hiện như sau:

1.1. Hành vi Mua bán trái phép chất ma túy của Phạm Văn K:

Cách thức hoạt động mua bán trái phép chất ma túy là khi có đối tượng cần mua ma túy sẽ liên lạc điện thoại với K qua số điện thoại 096772xxxx, 096684xxxx nói số lượng ma túy cần mua, sau đó K hẹn đến chỗ ở nêu trên để mua bán ma túy hoặc K đưa ma túy cho Lê Duy T5, Đoàn Minh L đem giao cho người mua tại các địa điểm: khu vực bãi đất trống và chợ tự phát gần nhà của K, khu vực đầu hẻm F giao với đường M. Những lúc K không có nhà thì X sẽ đưa

ma túy cho T5, L giao cho người mua hoặc X sẽ bán ma túy cho người mua khi họ đến trực tiếp tại nhà. Cách thức thanh toán tiền của các đối tượng mua ma túy là trả tiền mặt trực tiếp cho K hoặc X.

1.2. Hành vi mua bán trái phép chất ma túy của Nguyễn Thị X: Nguyễn Thị X tham gia cùng K mua bán trái phép chất ma túy từ khoảng đầu năm 2023 đến ngày 14/3/2023 thì bị bắt. X có vai trò, nhiệm vụ là khi nào K đi vắng hoặc khi K đưa ma túy thì X mới phụ giúp việc bán ma túy. X phụ giúp K bán ma túy nhiều lần (khoảng trên 10 lần) mỗi lần bán một tép Heroine với giá tiền từ 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng) đến 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng). Trung bình một tuần X phụ K bán ma túy khoảng 02 đến 03 ngày, mỗi ngày bán cho khoảng 04 đến 05 người mua ma túy. Sau khi bán ma túy xong, X thu tiền đưa lại cho K cất giữ để tiếp tục mua ma túy về bán.

Cơ quan điều tra đã làm rõ các đối tượng mua ma túy của Phạm Văn K, Nguyễn Thị X gồm:

(1) Lê Trần Quốc P, sinh năm 1981, nơi thường trú số E đường H, khu D, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, đã mua ma túy của K nhiều lần (trên 05 lần) trong khoảng thời gian từ đầu tháng 3/2023 đến khi bị bắt (ngày 14/3/2023). Mỗi lần mua một tép Heroine với giá 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) cách 02 ngày K bán ma túy cho P một lần tại chỗ ở của K. Lần gần nhất, K đưa cho T5 một tép Heroine bán cho P giá 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) vào ngày P bị bắt 14/3/2023.

(2) Nguyễn Thành T8, sinh năm 1984, nơi thường trú: phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương, đã mua ma túy của K nhiều lần (trên 05 lần) trong khoảng thời gian từ đầu tháng 3/2023 đến ngày 14/3/2023. Mỗi lần T8 mua ma túy với giá từ 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng) đến 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng). Trung trực tiếp đến nhà gặp K để mua ma túy hoặc K đưa ma túy cho T5 ra bãi đất trống gần nhà để giao cho T8. Lần gần nhất, K bán cho T8 một tép Heroine giá 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) vào ngày 14/3/2023.

(3) Đoàn Việt A1, sinh năm 1996, nơi thường trú: tổ C, khu H, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, đã mua ma túy của K nhiều lần (khoảng 03 lần) trong khoảng thời gian từ tháng 02/2023 đến ngày 14/3/2023, mỗi lần mua một tép Heroine giá 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) mua tại chỗ ở của K. Lần gần nhất, do X trực tiếp bán cho Việt A1 một tép Heroine giá 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) vào ngày 14/3/2023.

Quá trình hoạt động mua bán trái phép chất ma túy, K đã thu lợi bất chính 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) và đã tiêu xài cá nhân. Do X là vợ của K nên không có chia lợi nhuận với nhau, tiền bán ma túy đều do K cất giữ để tiếp tục mua ma túy về bán lại và cùng sử dụng chi tiêu chung trong gia đình.

Ngày 07/8/2023, bà Phạm Lệ H6 là chị họ của bị cáo Phạm Văn K có đơn xin khắc phục hậu quả gửi đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình

Dương và tự nguyện nộp 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) là số tiền K đã thu lợi bất chính trong quá trình hoạt động mua bán trái phép chất ma túy.

1.3. Hành vi mua bán trái phép chất ma túy của Lê Duy T5:

Quá trình hoạt động mua bán trái phép chất ma túy T5 có nhiệm vụ nhận ma túy từ K hoặc X đem đi giao cho người mua tại khu vực bãi đất trống gần chỗ ở của K, X khoảng 100 mét hoặc tại chỗ ở của K và thu tiền đưa lại cho K. T5 đi giao ma túy cho K, X được khoảng 05 đến 07 lần với số lượng mỗi lần giao một tép Heroine giá từ 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) đến 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). T5 nhớ được 04 (bốn) lần đi giao ma túy cho K, X gồm:

- Lần 1: khoảng cuối tháng 02/2023, T5 giao ma túy cho Nguyễn Thành T8 một tép giá 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng), nhận tiền đưa lại cho K.

- Lần 2: khoảng cuối tháng 02/2023, K đưa T5 một tép Heroine giá 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) đem giao ma túy cho Đoàn Việt A1 tại bên hông nhà K và nhận tiền đưa lại cho K.

- Lần 3: khoảng 06 giờ 30 phút ngày 14/3/2023, X kêu T5 lấy một tép Heroine giá 200.000 đồng đem giao cho Lê Trần Quốc P và nhận tiền đưa lại cho X.

- Lần 4: khoảng 08 giờ 00 phút ngày 14/3/2023, K đưa T5 hai tép ma túy, một tép Heroine và một tép ma túy đá đem ra bãi đất trống giao được một tép Heroine lấy 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đem về đưa lại cho K cùng một tép ma túy đá chưa giao được.

T5 tham gia phụ giúp đi giao ma túy được K, X cho tiền tổng cộng khoảng 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) và đã tiêu xài. Ngoài ra, T5 còn được cho ma túy sử dụng mỗi ngày 03 (ba) lần và cho ăn uống không lấy tiền.

1.4. Hành vi mua bán trái phép chất ma túy của Đoàn Minh L:

Quá trình hoạt động mua bán trái phép chất ma túy, L có nhiệm vụ nhận ma túy từ Nguyễn Thị X đem đi giao cho người mua và thu tiền đưa lại cho X. Một ngày L đi giao ma túy được khoảng 02 đến 03 lần với số lượng mỗi lần giao một tép Heroine giá từ 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) đến 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Địa điểm giao ma túy là tại khu vực ngã ba đường M giao với đường H vào nhà của K hoặc khu chợ tự phát gần nhà của K.

Ngày 14/3/2023, X đưa ma túy cho L đi giao được 02 (hai) lần gồm:

- Lần 1: khoảng 08 giờ L nhận từ X một tép Heroine giá 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) đem giao cho một người đàn ông đi chung với một người phụ nữ trên xe Wave màu đen (không nhìn rõ mặt và không nhớ biển số) giao tại khu vực chợ T9 đầu hẻm vào nhà của K.

- Lần 2: khoảng 08 giờ 20 phút X tiếp tục đưa cho L một tép Heroine giá 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) đem giao cho một người đàn ông đi xe

Satria màu đỏ (không nhìn rõ mặt và không nhớ biển số) tại khu vực ngã ba đường M giao nhau với đường H đường vào nhà của K.

Cả hai lần L đều nhận tiền từ người mua ma túy và đưa lại cho X.

Lợi tham gia phụ giúp đi giao ma túy được X cho tiền tổng cộng được khoảng 250.000 đồng (hai trăm năm mươi nghìn đồng) và đã tiêu xài. Ngoài ra, L còn được cho ma túy sử dụng mỗi ngày 03 (ba) lần không lấy tiền.

2. Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của Lê Trần Quốc P

Lê Trần Quốc P là đối tượng sử dụng ma túy từ năm 1998 đến khi bị bắt, do có nhu cầu sử dụng ma túy nên ngày 14/3/2023, P đi đến nhà của Phạm Văn K, Nguyễn Thị X tại địa chỉ 6, tổ H, khu I, phường P, thành phố T, Bình Dương để mua ma túy. Khi đến nơi P không gặp K, X mà gặp Lê Duy T5 và mua 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) Heroine. Sau đó, T5 bán cho 01 (một) đoạn ống hút nhựa hàn kín hai đầu, bên trong chứa Heroine. Sau khi mua được ma túy, P đi tìm nơi sử dụng thì bị bắt quả tang tàng trữ trái phép 0,1177 gam ma túy, loại Heroine.

3. Hành vi khác có liên quan

Tại thời điểm khám xét chỗ ở của Phạm Văn K có mặt Trần Viết P2, sinh năm 1975, nơi thường trú: số D đường P, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương mời P2 về trụ sở làm việc và tạm giữ tài sản, đồ vật, tài liệu gồm:

- 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô hai bánh, biển số 59V3-730.xx;

- 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô hai bánh, biển số 59G1-668.xx;

- 01 (một) giấy phép lái xe hạng A1 số: 79021054xxxx, tên Trần Viết P2, sinh ngày 15/12/1975, nơi cư trú: số D đường P, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh;

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 13 promax, số Imei: 350472595043123, gắn sim số 036563xxxx;

- 01 (một) xe mô tô hai bánh biển số 59G1 – 668.xx, nhãn hiệu Honda SH Mode, số máy: JF51E0052909, số khung: 5104DY052852.

Quá trình làm việc đối tượng P2 đã lợi dụng sơ hở để bỏ trốn. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương đã tiến hành xác minh tại Công an P5, quận G thể hiện địa chỉ D P đã giải tỏa năm 2013 nên hộ gia đình ông Trần Viết P2 đã chuyển đến ở tại hẻm I, đường T, tổ A, khu phố F, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Qua làm việc với ông P2 thể hiện ngày 14/3/2023, ông P2 ở tại nhà địa chỉ hẻm I, đường T, tổ A, khu phố F, phường T, Quận A và không rời khỏi nhà do ông P2 đang bệnh đau cột sống và viêm đại tràng không

thể đi lại được. Ngoài ra ông P2 xác định không bị tạm giữ các tài sản, đồ vật, tài liệu nêu trên và cung cấp thông tin về các tài sản, đồ vật, tài liệu trên như sau:

- 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô hai bánh, biển số 59V3-730.xx; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô hai bánh, biển số 59G1-668.xx và 01 (một) xe mô tô hai bánh biển số 59G1 – 668.xx, nhãn hiệu Honda SH Mode, số máy: JF51E0052909, số khung: 5104DY052852, tất cả là của cháu ông P2 tên Trần Anh H5, sinh ngày 11/02/1998, cư trú cùng hẻm I, đường TX14, tổ A, khu phố F, phường T, Quận A.

- 01 (một) giấy phép lái xe hạng A1 số: 79021054xxxx, tên Trần Viết P2, sinh ngày 15/12/1975, nơi cư trú: số D đường P, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh và 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 13 promax, số Imei: 350472595043123, gắn sim số 036563xxxx, không phải của ông P2. Đối với thông tin họ, tên, ngày tháng năm sinh in trên trên giấy phép lái xe hạng A1 số: 79021054xxxx trùng với thông tin của ông P2 nhưng không phải của ông P2 và ông P2 không sử dụng giấy phép lái xe này. Hiện tại ông P2 đang sử dụng giấy phép lái xe hạng A1 số 790158055727, họ tên Trần Viết P2, ngày sinh 15/12/1975, nơi cư trú: D P, phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, cấp ngày 17/3/2015. Quá trình sử dụng không bị mất, thất lạc và không cho người khác mượn sử dụng. Hình ảnh trên giấy phép lái xe hạng A1 số: 79021054xxxx là của em vợ ông P2 là Trần Thanh P3, sinh năm 1972, nơi đăng ký thường trú: số D đường P, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành xác minh tại Công an phường P5, quận G xác định P3 có họ và tên: Trần Thanh P3, sinh năm 1972, có vợ là Vũ Thị Ngọc A2, sinh năm 1979, con Trần Anh H5, sinh năm 1998, cùng nơi đăng ký thường trú: số D đường P, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Năm 2013, sau khi địa chỉ trên bị giải tỏa thì Trần Thanh P3 đã bỏ đi khỏi địa phương.

Qua xác minh, Công an phường T cung cấp thông tin Trần Thanh P3 đang bị Cơ quan Cảnh sát điều tra C (nay là thành phố) Đồng Xoài truy nã theo Quyết định truy nã số 02, ngày 22/11/2018 về hành vi trộm cắp tài sản.

Qua làm việc với Trần Anh H5, sinh ngày 11/02/1998, nơi cư trú: nhà không số, hẻm I, đường TX14, tổ A, khu phố F, phường T, Quận A thể hiện: Khoảng tháng 01/2023, H5 cho Trần Thanh P3 mượn xe mô tô hai bánh biển số 59G1 – 668.xx, nhãn hiệu Honda SH Mode, số máy: JF51E0052909, số khung: 5104DY052852 và giao 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô hai bánh, biển số 59V3-730.xx; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô hai bánh, biển số 59G1-668.xx cho P3 cất giữ để thuận tiện trong quá trình sử dụng xe trên nhưng sau đó thì không liên lạc được với P3 và không rõ P3 đi đâu. Đến khoảng giữa tháng 3/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương đến xác minh mời làm việc ông Trần Viết P2 nên H5 biết được xe và giấy tờ trên đang bị tạm giữ. Từ giữa tháng 3/2023 H5 không liên lạc và cũng không gặp mặt P3 lần nào, hiện không rõ P3 ở đâu. H5 cho P3 mượn xe trên để P3 đi

công việc cá nhân còn cụ thể đi công việc gì thì H5 không rõ và P3 cũng không nói H5 biết.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương đã tiến hành các biện pháp xác minh tại các nơi cư trú của Trần Thanh P3 nhưng không xác định được P3 đang ở đâu.

Vật chứng và đồ vật tạm giữ trong vụ án gồm:

* Đối với Lê Trần Quốc P:

- Ma túy có khối lượng: 0,1177 gam loại Heroine;
- 01 (một) vỏ bao thuốc lá hiệu Jet;
- 02 (hai) ống bơm kim tiêm;
- ½ dao lam.

- 01 (một) điện thoại di động màu đỏ, nhãn hiệu Nokia 106, số IMEI: 3557740/06/577480/6, gắn sim số 038240xxxx.

- 01 (một) xe mô tô kiểu dáng Wave màu đỏ, biển số 61B1-153.xx, số khung: RLHHC1209BY302596, số máy: HC12E3102603:

+ Kết quả giám định của Phòng Kỹ thuật Hình sự xác định số khung, số máy không đổi.

+ Xác minh tại phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bình Dương xác định: Biển số 61B1-153.xx được cấp cho Bùi Sĩ N2 – sinh năm 1981; địa chỉ: E, tổ C, khu A, H, T; nhãn hiệu: HONDA, số loại HC120 WAVE ALPHA, số khung: RLHHC1209BY302596, số máy: HC12E3102603 (Biển số, số khung, số máy đúng với xe bị tạm giữ).

+ Xác minh tại Công an phường H xác định hiện nay không rõ ông N2 đang ở đâu. P khai nhận dùng tiền cá nhân mua của người phụ nữ tên O là bạn bè quen biết ngoài xã hội (không rõ lai lịch, địa chỉ) vào khoảng năm 2012 với giá 5.000.000 đồng (năm triệu đồng). P mua xe của O không có làm hợp đồng mua bán, lúc mua xe thì O có nói sẽ đưa giấy tờ xe cho P nhưng sau đó P không liên lạc được với O và hiện tại không rõ O đang ở đâu.

* Đối với Phạm Văn K:

- Ma túy có tổng khối lượng: 31,4158 gam, loại Heroine; 0,1480 gam, loại Methamphetamine; 4,3866 gam, loại Methamphetamine và H8;

- 02 (hai) ống kim tiêm đã qua sử dụng;
- 01 (một) kéo kẹp màu bạc;
- 01 (một) kéo cắt màu bạc;
- 02 (hai) lưỡi dao lam đã qua sử dụng;
- 01 (một) gói nylon bên trong chứa nhiều ống hút;

- 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy;
- 01 (một) gói thuốc lá nhãn hiệu JET;
- 01 (một) cân tiểu ly màu bạc;
- 01 (một) điện thoại di động màu trắng, hiệu OPPO A15, số Imei 1: 865613050578677, số Imei 2: 865613050578669 gắn sim số 096684xxxx;
- 01 (một) điện thoại di động màu xanh, hiệu VIVO Y21, số Imei 1: 861428057532492, số Imei 2: 861428057532484 gắn sim số 096772xxxx;
- Tiền Việt Nam: 71.900.000 đồng (bảy mươi một triệu chín trăm nghìn đồng);
- 01 (một) đầu thu dữ liệu camera màu trắng, kích thước 20x20cm bên ngoài có ghi chữ @Jhua (không kiểm tra tình trạng bên trong);

* Đối với Đoàn Minh L

- 01 (một) điện thoại di động màu xanh, không rõ nhãn hiệu, số IMEI: 358220921110252, gắn sim số 092140xxxx;
- 01 (một) điện thoại di động màu xanh, nhãn hiệu NOKIA, số IMEI: 354878082483786, gắn sim số 033694xxxx;
- 01 (một) xe mô tô, kiểu dáng Wave biển số 61Z2-53xx, số khung: RLHHC123X8Y493660, số máy: HC12E-2250378;

+ Ngày 28/4/2023, Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Bình Dương ra kết luận giám định số 416-3/KL-KTHS(SKSM) kết luận: xe mô tô 02 bánh, nhãn hiệu HONDA, số loại Wave RSX KVRV, xy lanh 97 cm³, mang biển số: 61Z2-53xx; có số khung, số máy không đổi (số máy: HC12E-2250378, số khung: RLHHC123X8Y493660).

+ Xác minh tại phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bình Dương xác định: Biển số 61Z2-53xx được cấp cho Võ Minh C1; địa chỉ: 1, Bình Quới B, B, T; nhãn hiệu: WOLDWELL, số loại C110, số khung: Y028146, số máy: 5032286 (số khung, số máy không đúng với xe bị tạm giữ). Tra cứu thông tin số máy: HC12E-2250378, số khung: RLHHC123X8Y493660 xác định xe có số khung, số máy này được cấp biển số: 88K8-29xx, chủ xe Tô Thế L1, địa chỉ: Đ, Y, Vĩnh Phúc, loại xe: hai bánh từ 50-175cm³, nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE, dung tích xy lanh 97 cm³.

+ Xác minh tại Công an phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương thể hiện ông Võ Minh C1 có đăng ký thường trú tại 13/8, khu phố B, phường B, thành phố T nhưng đã chuyển sang Mỹ định cư được khoảng 10 năm, hiện không rõ ông C1 đang ở đâu.

+ Xác minh tại Công an xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc thể hiện ông Tô Thế L1 có đăng ký thường trú tại thôn B, xã Đ, nhưng đã chuyển đến sinh sống tại khu phố D, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Qua làm việc ông Tô

Thẻ L1 thể hiện: xe mô tô trên mua vào khoảng năm 2009, giá 21.000.000 (hai mươi một triệu) đồng, đăng ký chủ sở hữu và được cấp biển số 88K8-29xx. Đến khoảng năm 2017, ông L1 bán xe trên cho người tên H9 (quen biết ngoài xã hội, không rõ nhân thân, lai lịch) với giá 5.000.000 (năm triệu) đồng, có làm giấy tờ mua bán viết tay nhưng không công chứng. Hiện tại ông L1 không rõ H9 đang ở đâu.

+ Qua làm việc Đoàn Minh L khai nhận xe mô tô, kiểu dáng Wave biển số 61Z2-53xx, số khung: RLHHC123X8Y493660, số máy: HC12E-2250378, L mua vào khoảng cuối năm 2022 của một người tên P3 quen biết ngoài xã hội (không rõ nhân thân, lai lịch, địa chỉ) với giá 3.000.000 (ba triệu) đồng. Quá trình mua xe P3 nói xe rõ nguồn gốc có đầy đủ giấy tờ nên L đồng ý mua không làm hợp đồng mua bán chỉ thỏa thuận miệng với nhau. L dùng xe này làm phương tiện đi lại không dùng để hoạt động phạm tội.

* Đối với Lê Duy T5

- 01 (một) điện thoại di động màu xanh, nhãn hiệu OPPO A53, số IMEI: 861438053456851, gắn sim số 093260xxxx;

- 01 (một) xe mô tô, kiểu dáng Wave biển số 66P1-913.xx, số khung: RRVWCH3RV5A000984, số máy: VSAZS152FMH001484;

+ Ngày 28/4/2023, Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Bình Dương ra kết luận giám định số 416-2/KL-KTHS(SKSM) kết luận: xe mô tô 02 bánh (kiểu dáng Wave), nhãn hiệu KORESIAM, số loại 110, xy lanh 109 cm³, mang biển số: 66P1-913.xx có số khung, số máy không đổi (số máy: VSAZS152FMH*001484, số khung: RRVWCH3RV5000984).

+ Xác minh tại phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bình Dương xác định: Biển số 66P1-913.xx được cấp cho Phạm Thị D, sinh năm 1978; địa chỉ: A A, A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; nhãn hiệu: VALENTI, số loại C110, dung tích xy lanh 107 cm³, số khung: RMNWCH1MN6H001274, số máy: VHLFM152FMHV151274 (số khung, số máy không đúng với xe bị tạm giữ). Tra cứu thông tin số máy: VSAZS152FMH*001484, số khung: RRVWCH3RV5000984 xác định xe có số khung, số máy này được cấp biển số: 59T1-093.xx, chủ xe Tăng Ngọc Thanh, địa chỉ: 3 L, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, loại xe: hai bánh từ 50-175cm³, nhãn hiệu KORESIAM, số loại C110, dung tích xy lanh 110 cm³.

+ Xác minh tại Công an xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp thể hiện bà Phạm Thị D, sinh năm 1978, có đăng ký thường trú tại ấp A, xã A. Qua làm việc với Phạm Thị D thể hiện: Bà D có đăng ký chủ sở hữu xe trên nhưng đã bán xe này cách đây khoảng 01 đến 02 năm và hiện tại không nhớ đã bán cho ai. Bà D không còn lưu giữ giấy tờ gì liên quan đến xe trên.

+ Xác minh tại Công an phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện ông Tăng Ngọc T7, sinh năm 1972, có đăng ký thường trú tại 3 L, phường

B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng đã bán nhà chuyển đến sinh sống tại địa chỉ B, ấp C, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Xác minh tại Công an xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện ông Tăng Ngọc T7, sinh năm 1972, đang sinh sống tại địa chỉ B, ấp C, xã B. Qua làm việc với Tăng Ngọc T7 thể hiện: ông T7 có đăng ký chủ sở hữu xe trên nhưng vào khoảng tháng 10/2018 đã bị mất xe cùng giấy tờ liên quan. Thời điểm mất xe ông T7 không trình báo Công an và không còn lưu giữ giấy tờ gì liên quan đến xe trên.

+ Qua làm việc bị cáo Lê Duy T5 thể hiện: xe mô tô, kiểu dáng Wave biển số 66P1-913.xx, số khung: RRVWCH3RV5A000984, số máy: VSAZS152FMH001484, là của T5 mua vào khoảng tháng 5/2022 của một người tên L2 quen biết ngoài xã hội (không rõ nhân thân, lai lịch, địa chỉ) với giá 3.000.000 (ba triệu) đồng. Quá trình mua xe L2 nói xe rõ nguồn gốc có đầy đủ giấy tờ nên T5 đồng ý mua nhưng không làm hợp đồng mua bán chỉ thỏa thuận miệng với nhau. T5 dùng xe này làm phương tiện đi lại không dùng để hoạt động phạm tội.

* Đối với Trần Viết P2 (chết ngày 23/10/2023).

- 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô hai bánh, biển số 59V3-730.xx;

- 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô hai bánh, biển số 59G1-668.xx;

- 01 (một) giấy phép lái xe hạng A1 tên Trần Viết P2, sinh ngày 15/12/1975;

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 13 promax, số Imei: 350472595043123, gắn sim số 036563xxxx;

- 01 (một) xe mô tô hai bánh biển số 59G1 – 668.xx, nhãn hiệu Honda SH Mode, số máy: JF51E0052909, số khung: 5104DY052852. Quá trình điều tra thể hiện:

+ Ngày 28/4/2023, Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Bình Dương ra kết luận giám định số 416-1/KL-KTHS(SKSM) kết luận: xe mô tô 02 bánh, nhãn hiệu HONDA, số loại JF51 SH MODE, xy lanh 124 cm³, mang biển số: 59G1-668.xx có số khung, số máy không đổi (số máy: JF51E-0052909, số khung: RLHJF5104DY052852).

+ Xác minh tại phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bình Dương xác định: Biển số: 59G1-668.xx được cấp cho Trần Anh H5; địa chỉ: 7 T, phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; nhãn hiệu: HONDA, số loại SH MODE, dung tích xy lanh 124 cm³, số khung: RLHJF5104DY052852, số máy: JF51E0052909 (Biển số, số khung, số máy đúng với xe bị tạm giữ).

+ Cơ quan điều tra đã làm việc với ông Trần Anh H5 là chủ sở hữu xe mô tô hai bánh biển số 59G1 – 668.xx, nhãn hiệu Honda SH Mode, số máy: JF51E0052909, số khung: 5104DY052852.

Đối với các biển số, xe mô tô gồm:

- 01 (một) biển số: 66P1-913.xx;
- 01 (một) biển số: 61Z2-53xx;
- 01 (một) xe mô tô, kiểu dáng Wave màu đỏ, số khung: RLHHC123X8Y493660, số máy: HC12E-2250378;
- 01 (một) xe mô tô kiểu dáng Wave màu đỏ, biển số 61B1-153.xx, số khung: RLHHC1209BY302596, số máy: HC12E3102603.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương đã gửi công văn đề nghị Ban B1 hỗ trợ đăng thông tin trên báo (03 kỳ liên tiếp) với nội dung: Hiện ông Bùi Sĩ N2, sinh năm 1981 đang ở đâu; ai là chủ sở hữu của biển số 66P1-913.xx; 61Z2-53xx và xe mô tô, kiểu dáng Wave màu đỏ, số khung: RLHHC123X8Y493660, số máy: HC12E-2250378, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ra thông báo yêu cầu đến Cơ quan Cảnh sát điều tra làm việc liên quan đến các xe trên nhưng hiện tại vẫn chưa có ai đến liên hệ.

Tại bản Cáo trạng số: 152/CT-VKSBD-P2 ngày 07/9/2023, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đã truy tố các bị cáo Phạm Văn K, Nguyễn Thị X, Lê Duy T5 và Đoàn Minh L về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm h khoản 3 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; truy tố bị cáo Lê Trần Quốc P về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội trong đó có nội dung vẫn giữ nguyên quyết định cáo trạng đã truy tố đối với các bị cáo Phạm Văn K, Nguyễn Thị X, Lê Duy T5 và Đoàn Minh L về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm h khoản 3 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; truy tố bị cáo Lê Trần Quốc P về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo gây ra và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm h khoản 3 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Xử phạt bị cáo Phạm Văn K với mức án từ 16 năm đến 17 năm tù.

Áp dụng điểm h khoản 3 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ

sung năm 2017), Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị X với mức án từ 15 năm đến 16 năm tù.

Áp dụng điểm h khoản 3 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Xử phạt bị cáo Lê Duy T5 với mức án từ 15 năm đến 16 năm tù.

Áp dụng điểm h khoản 3 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Xử phạt bị cáo Đoàn Minh L với mức án từ 15 năm đến 16 năm tù.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Xử phạt bị cáo Lê Trần Quốc P với mức án từ 01 năm đến 02 năm tù.

Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn K là Luật sư Nguyễn Thị Xuân H3 trình bày theo bài bào chữa: thống nhất tội danh và điều luật của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương truy tố là đúng người, đúng tội. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ là bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện tác động gia đình giao nộp số tiền thu lợi bất chính 10.000.000 đồng theo các điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bên cạnh đó, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị mẹ ruột bỏ rơi từ 02 tuổi, cha bị cáo tái hôn và sống với người phụ nữ khác, hiện nay bị cáo đã mồ côi cha mẹ, bị cáo đang bị bệnh AIDS giai đoạn cuối là tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị X là Luật sư Nguyễn Thị Thúy H4 trình bày: thống nhất tội danh và điều luật của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương truy tố là đúng người, đúng tội. Tuy nhiên trong thời gian bị tạm giam để điều tra, bị cáo đã có sự hợp tác tốt với cơ quan điều tra, nhận ra hành vi của mình là sai trái và vi phạm pháp luật hình sự nên đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo chỉ phạm tội với vai trò đồng phạm, giúp sức cho bị cáo Phạm Văn K là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo X có 02 con còn rất nhỏ, cần có cha mẹ bên cạnh để giáo dục; bị cáo là vợ của bị cáo Phạm Văn K, nhiều lần bị cáo không muốn giúp K bán ma túy nhưng do K chửi bị cáo nên bị cáo sợ và không từ chối được; bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 3.900.000 đồng sung vào công quỹ Nhà nước để thể hiện thái độ hối lỗi. Do đó kính mong Hội đồng xét xử xem xét hình phạt cho bị cáo thấp hơn mức án mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị để bị cáo được sớm trở về với gia đình, với con nhỏ.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Duy T5 là Luật sư Bùi Xuân N1 trình bày: thống nhất tội danh và điều luật của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương

truy tố là đúng người, đúng tội. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo tham gia với vai trò đồng phạm hạn chế, giản đơn, bị cáo làm theo sự sắp đặt của bị cáo K, không biết K có bao nhiêu ma túy, cất giữ ở đâu. Bị cáo làm giúp K để có công việc làm, cơm ăn áo mặc. Bị cáo đã cai nghiện nhiều lần nhưng xã hội, gia đình không có chính sách tạo điều kiện cho bị cáo tái hòa nhập cộng đồng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hình phạt nhẹ nhất cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Đoàn Minh L là Luật sư Phạm Hữu Tuấn M3 trình bày: thống nhất tội danh và điều luật của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương, đồng ý kiến cùng với Luật sư N1. Bị cáo L đã nghiện ma túy từ rất lâu. Cũng cố gắng đi cai nghiện nhưng khi quay về xã hội lại không chấp nhận bị cáo không tạo điều kiện cho bị cáo để quay trở lại làm người lương thiện nên các bị cáo T5, L mới mất phương hướng dẫn đến làm việc cho bị cáo K không hề mưu lợi tiền bạc gì, họ chỉ mong có cơm ăn, áo mặc và ma túy sử dụng, đó là tồn tại chứ không phải gọi là được sống. Bị cáo có cha là ông Đoàn Phi H1 là người có công với cách mạng. Do đó, đề nghị áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xét xử bị cáo mức hình phạt thấp hơn mức án mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Lệ H6 trình bày: do Phạm Văn K cha mẹ đã mất, không còn gia đình, không còn ai nương tựa nên xin Tòa án xét xử cho bị cáo mức án nhẹ nhất và số tiền 10.000.000 đồng thu lợi bất chính của bị cáo K mà bà đã nộp thay bị cáo K, tại phiên tòa bà đề nghị bị cáo K trả lại cho bà.

Các bị cáo không ý kiến tranh luận, trong lời nói sau cùng các bị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo hình phạt thấp nhất để các bị cáo có cơ hội sớm trở về làm việc đoàn tụ với gia đình và làm lại từ đầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an tỉnh Bình Dương, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Luật sư bào chữa cho các bị cáo, các bị cáo không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình

điều tra, phù hợp lời khai của những người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Khoảng 07 giờ ngày 14/3/2023, tại ngã 3 đường M -T giao nhau đường Đ thuộc khu I phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Bình Dương bắt quả tang Lê Trần Quốc P có hành vi tàng trữ trái phép 0,1177 gam ma túy, loại Heroine do P mua của Phạm Văn K để sử dụng. Tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Phạm Văn K tại nhà số F tổ H, khu I, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, phát hiện tổng khối lượng ma túy thu giữ 35,9504 gam, gồm: 31,4158 gam, loại Heroine; 0,1480 gam, loại Methamphetamine; 4,3866 gam, loại Methamphetamine và H8, K cất giấu để bán cho người khác nhằm kiếm tiền tiêu xài cá nhân.

Quá trình điều tra xác định Phạm Văn K, Nguyễn Thị X là vợ chồng và cùng kinh doanh mua bán gà tại nhà số F tổ H, khu I, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. K là đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy từ tháng 10/2021, để có tiền tiêu xài, ma túy sử dụng, bị cáo K đã lợi dụng hoạt động mua bán gà và lôi kéo X cùng Lê Duy T5, Đoàn Minh L vào hoạt động mua bán trái phép chất ma túy từ khoảng tháng 10/2022. Nguyễn Thị X, Lê Duy T5, Đoàn Minh L nhiều lần giúp Phạm Văn K bán trái phép chất ma túy cho các đối tượng nghiện nhằm thu lợi bất chính. Hành vi phạm tội của các bị cáo Phạm Văn K, Nguyễn Thị X, Lê Duy T5 và Đoàn Minh L đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm h khoản 3 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; hành vi của bị cáo Lê Trần Quốc P đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách quản lý độc quyền của Nhà nước đối với các chất ma túy, làm mất an ninh trật tự và an toàn xã hội. Các bị cáo Phạm Văn K, Nguyễn Thị X, Lê Duy T5 và Đoàn Minh L nhận thức được hành vi mua bán trái phép chất ma túy, tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội, thể hiện ý thức xem thường pháp luật. Bị cáo Lê Trần Quốc P mua ma túy của bị cáo K nhằm mục đích tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng,

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Phạm Văn K, Nguyễn Thị X, Lê Duy T5, Đoàn Minh L phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

+ Bị cáo Nguyễn Thị X, Lê Duy T5, Lê Trần Quốc P thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

+ Bị cáo Đoàn Minh L thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và gia đình có công với cách mạng theo điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

+ Bị cáo Phạm Văn K thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tác động gia đình nộp lại tiền thu lợi bất chính theo điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

[6] Đối với đối tượng tên P3 bán ma túy cho K do chưa xác định được nhân thân, lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương tiếp tục điều tra, xác minh xử lý sau.

Đối với Nguyễn Thành T8, Đoàn Việt A1 là đối tượng mua ma túy của Phạm Văn K nhằm mục đích sử dụng, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Bình Dương đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 03, 04 ngày 20/3/2023 về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Đối với Trần Thanh P3, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương đã tiến hành các biện pháp xác minh tại các nơi cư trú của P3 nhưng không xác định được P3 đang ở đâu và các tài sản, đồ vật, tài liệu thu giữ của P3 nêu trên, Cơ quan Cảnh sát điều tra sẽ tiếp tục xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ xử lý sau.

[7] Việc xử lý vật chứng:

7.1. Tịch thu tiêu hủy các vật chứng là ma túy và các vật chứng không còn giá trị sử dụng:

7.1.1. Đối với Phạm Văn K:

- 03 (ba) bì thư được niêm phong chung bằng giấy niêm phong của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Bình Dương ghi vụ số 139/M1, M2, M3, PC09, có chữ ký của bên nhận Lê Văn S, người chứng kiến Nguyễn Thị X, Phạm Văn K, bên trả (KTHS) Trần Hoàng H10 và dấu tròn niêm phong của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Bình Dương (bên trong chứa mẫu còn lại sau giám định);

- 01 (một) kéo kẹp màu bạc;
- 01 (một) kéo cắt màu bạc;
- 02 (hai) ống bơm kim tiêm đã qua sử dụng;
- 02 (hai) lưỡi dao lam đã qua sử dụng;
- 01 (một) gói nylon bên trong chứa nhiều ống hút;
- 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy;
- 01 (một) cân tiểu ly màu bạc;
- 01 (một) vỏ bao thuốc lá hiệu Jet;

7.1.2. Đối với Lê Trần Quốc P:

- 01 (một) bì thư được niêm phong bằng giấy niêm phong của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Bình Dương ghi vụ số 138/PC09, có chữ ký của bên nhận Lê Văn S, người chứng kiến Lê Trần Quốc P, bên trả (KTHS) Trần Hoàng H10 và dấu tròn niêm phong của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Bình Dương (bên trong chứa mẫu còn lại sau giám định);

- 01 (một) vỏ bao thuốc lá hiệu Jet;

- 02 (hai) ống bơm kim tiêm;

- ½ (một phần hai) dao lam;

7.1.3. Đối với Lê Duy T5: biển số 66P1-913.xx.

7.1.4. Đối với Đoàn Minh L: biển số 61Z2-53.xx.

7.2. Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước các vật chứng các bị cáo dùng vào việc phạm tội:

7.2.1. Đối với Phạm Văn K:

- 01 (một) điện thoại di động màu trắng, hiệu OPPO A15, màu trắng, số Imei 1: 865613050578677, số Imei 2: 865613050578669 gắn sim số 096684xxxx;

- 01 (một) điện thoại di động màu xanh, hiệu VIVO Y21, màu xanh, số Imei 1: 861428057532492, số Imei 2: 861428057532484 gắn sim số 096772xxxx.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 13 promax, số Imei: 350472595043123, gắn sim số 036563xxxx;

- Tạm giữ số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) thu lợi bất chính của bị cáo K nộp ngân sách Nhà nước.

7.2.2. Đối với Lê Trần Quốc P:

- 01 (một) điện thoại di động màu đỏ, nhãn hiệu Nokia 106, số IMEI: 3557740/06/577480/6, gắn sim số 038240xxxx.

- 01 (một) xe mô tô hai bánh, nhãn hiệu HONDA, số loại Wave SKWY, xylanh 97cm³, biển số 61B1-153.xx, số khung: RLHHC1209BY302596, số máy: HC12E3102603, tình trạng xe cũ qua sử dụng, không chìa khóa.

7.2.3. Đối với Đoàn Minh L: 01 (một) xe mô tô hai bánh, nhãn hiệu HONDA, số loại Wave RSXKQRS, xylanh 97cm³, số khung: RLHHC123X8Y493660, số máy: HC12E-2250378, tình trạng xe cũ qua sử dụng, không chìa khóa;

7.3. Trả lại các tài sản không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

7.3.1. Trả lại Phạm Văn K:

- 01 (một) đầu thu dữ liệu camera màu trắng, kích thước 20 x 20cm bên ngoài có ghi chữ @Jhua (không kiểm tra tình trạng bên trong);

- Tiền Việt Nam: 58.000.000 đồng.

7.3.2. Trả lại Đoàn Minh L:

- 01 (một) điện thoại di động màu xanh, không rõ nhãn hiệu, số IMEI: 358220921110252, gắn sim số 092140xxxx;

- 01 (một) điện thoại di động màu xanh, nhãn hiệu NOKIA, số IMEI: 354878082483786, gắn sim số 033694xxxx;

7.3.3. Trả lại Lê Duy T5:

- 01 (một) điện thoại di động màu xanh, nhãn hiệu OPPO A53, số IMEI: 861438053456851, gắn sim số 093260xxxx;

7.3.4. Trả lại ông Trần Anh H5:

- 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô hai bánh, biển số 59V3-730.xx;

- 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô hai bánh, biển số 59G1-668.xx

- 01 (một) xe mô tô hai bánh, nhãn hiệu HONDA, số loại SH mode, xylanh 124cm³, biển số 59G1 – 668.xx, số máy: JF51E0052909, số khung: RLHJF5104DY052852, tình trạng xe cũ đã qua sử dụng, không chia khóa. Xét thấy, các tài sản trên là của ông H5 sở hữu hợp pháp nên cần trả lại cho ông H5.

7.3.5 Trả lại ông Tăng Ngọc T7:

01 (một) xe mô tô hai bánh kiểu dáng Wave, nhãn hiệu KORESIAM, số loại 110, xylanh 109cm³, số khung: RRVWCH3RV5A000984, số máy: VSAZS152FMH tình trạng đã cũ, không chia khóa chủ sở hữu hợp pháp là của ông T7 (xe bị mất), nên cần tuyên trả xe lại cho ông T7.

7.3.6 Bà Phạm Lệ H6 đã nộp số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng thu lợi bất chính thay cho bị cáo K, tại tòa bà yêu cầu nhận lại nên cần tuyên trả lại cho bà Hằng số tiền 10.000.000 đồng.

7.4. Số tiền 3.900.000 (ba triệu chín trăm nghìn) đồng khi bắt quả tang thu giữ của bị cáo Nguyễn Thị X. Xét thấy, số tiền trên là tiền mua bán gà của bị cáo mà có, đây là số tiền không liên quan đến vụ án, nhưng tại phiên tòa bị cáo đồng ý tự nguyện nộp số tiền trên vào cho ngân sách Nhà nước. Xét đây là ý chí tự nguyện của bị cáo nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đề nghị về phân hình phạt đối với bị cáo Phạm Văn K và xử lý vật chứng trong vụ án là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Tuy nhiên mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị đối với các bị cáo X, T5 và L là cao. Bởi vì, bị cáo K là đầu vụ, bị cáo X là vợ của bị cáo K thực hiện hành vi phạm

tội với vai trò giúp sức cho bị cáo K giao ma túy cho các đối tượng nghiện khi bị cáo K không có nhà. Đối với bị cáo T5 giúp sức cho bị cáo K giao ma túy cho các đối tượng nghiện khi bị cáo K yêu cầu (khoảng 10 lần). Đối với bị cáo L giúp sức cho bị cáo K giao ma túy cho các đối tượng nghiện khi bị cáo K yêu cầu (khoảng 02 lần) nhưng Viện kiểm sát đề nghị mức hình phạt của các bị cáo gần bằng với bị cáo K và mức hình phạt của các bị cáo X, T5 và L mà Viện kiểm sát đề nghị mức hình phạt bằng nhau là chưa phân hóa vai trò của các bị cáo. Do đó, cần phân hóa vai trò của từng bị cáo và có căn cứ áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự Hội đồng xét xử áp dụng cho các bị cáo X, T5 và L.

[9] Ý kiến của người bào chữa cho các bị cáo là có căn cứ chấp nhận một phần.

[10] Về án phí sơ thẩm: các bị cáo phạm tội và bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và danh mục Án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: tuyên bố các bị cáo Phạm Văn K, Nguyễn Thị X, Lê Duy T5 và Đoàn Minh L phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; bị cáo Lê Trần Quốc P phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt:

2.1. Áp dụng điểm h khoản 3 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Phạm Văn K 16 (mười sáu) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/3/2023.

2.2. Áp dụng điểm h khoản 3 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 54, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Nguyễn Thị X 14 (mười bốn) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/3/2023.

2.3. Áp dụng điểm h khoản 3 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 54, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Lê Duy T5 13 (mười ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/3/2023.

2.4. Áp dụng điểm h khoản 3 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 54, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa

đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Đoàn Minh L 12 (mười hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/3/2023.

2.5. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Lê Trần Quốc P 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/3/2023.

3. Về xử lý vật chứng: áp dụng Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

3.1. Tịch thu tiêu hủy:

3.1.1. Đối với Phạm Văn K:

- 03 (ba) bì thư được niêm phong chung bằng giấy niêm phong của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Bình Dương ghi vụ số 139/M1, M2, M3, PC09, có chữ ký của bên nhận Lê Văn S, người chứng kiến Nguyễn Thị X, Phạm Văn K, bên trả (KTHS) Trần Hoàng H10 và dấu tròn niêm phong của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Bình Dương (bên trong chứa mẫu còn lại sau giám định);

- 01 (một) kéo kẹp màu bạc;
- 01 (một) kéo cắt màu bạc;
- 02 (hai) ống bơm kim tiêm đã qua sử dụng;
- 02 (hai) lưỡi dao lam đã qua sử dụng;
- 01 (một) gói nylon bên trong chứa nhiều ống hút;
- 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy;
- 01 (một) cân tiểu ly màu bạc;
- 01 (một) vỏ bao thuốc lá hiệu Jet;

3.1.2. Đối với Lê Trần Quốc P:

- 01 (một) bì thư được niêm phong bằng giấy niêm phong của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Bình Dương ghi vụ số 138/PC09, có chữ ký của bên nhận Lê Văn S, người chứng kiến Lê Trần Quốc P, bên trả (KTHS) Trần Hoàng H10 và dấu tròn niêm phong của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Bình Dương (bên trong chứa mẫu còn lại sau giám định);

- 01 (một) vỏ bao thuốc lá hiệu Jet;
- 02 (hai) ống bơm kim tiêm;
- ½ (một phần hai) dao lam;

3.1.3. Đối với Lê Duy T5: biên số 66P1-913.xx.

3.1.4. Đối với Đoàn Minh L: biên số 61Z2-53.xx.

3.2. Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước:

3.2.1. Đối với Phạm Văn K:

- 01 (một) điện thoại di động màu trắng, hiệu OPPO A15, màu trắng, số Imei 1: 865613050578677, số Imei 2: 865613050578669 gắn sim số 096684xxxx;

- 01 (một) điện thoại di động màu xanh, hiệu VIVO Y21, màu xanh, số Imei 1: 861428057532492, số Imei 2: 861428057532484 gắn sim số 096772xxxx.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 13 promax, số Imei: 350472595043123, gắn sim số 036563xxxx;

- Tạm giữ số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng thu lợi bất chính của bị cáo K nộp ngân sách Nhà nước.

3.2.2. Đối với Lê Trần Quốc P:

- 01 (một) điện thoại di động màu đỏ, nhãn hiệu Nokia 106, số IMEI: 3557740/06/577480/6, gắn sim số 038240xxxx.

- 01 (một) xe mô tô hai bánh, nhãn hiệu HONDA, số loại Wave SKWY, xylanh 97cm³, biển số 61B1-153.xx, số khung: RLHHC1209BY302596, số máy: HC12E3102603, tình trạng xe cũ qua sử dụng, không chìa khóa.

3.2.3. Đối với Đoàn Minh L: 01 (một) xe mô tô hai bánh, nhãn hiệu HONDA, số loại Wave RSXKVERS, xylanh 97cm³, số khung: RLHHC123X8Y493660, số máy: HC12E-2250378, tình trạng xe cũ qua sử dụng, không chìa khóa;

3.3 Trả lại các tài sản không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.3.1. Đối với Phạm Văn K:

- 01 (một) đầu thu dữ liệu camera màu trắng, kích thước 20 x 20cm bên ngoài có ghi chữ @Jhua (không kiểm tra tình trạng bên trong);

- Tiền Việt Nam: 58.000.000 (năm mươi tám triệu) đồng.

3.3.2. Đối với Đoàn Minh L:

- 01 (một) điện thoại di động màu xanh, không rõ nhãn hiệu, số IMEI: 358220921110252, gắn sim số 092140xxxx;

- 01 (một) điện thoại di động màu xanh, nhãn hiệu NOKIA, số IMEI: 354878082483786, gắn sim số 033694xxxx;

3.3.3. Đối với Lê Duy T5:

- 01 (một) điện thoại di động màu xanh, nhãn hiệu OPPO A53, số IMEI: 861438053456851, gắn sim số 093260xxxx;

3.3.4. Đối với ông Trần Anh H5:

- 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô hai bánh, biển số 59V3-730.xx;
- 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô hai bánh, biển số 59G1-668.xx
- 01 (một) xe mô tô hai bánh, nhãn hiệu HONDA, số loại SH mode, xylanh 124cm³, biển số 59G1 – 668.xx, số máy: JF51E0052909, số khung: RLHJF5104DY052852, tình trạng xe cũ đã qua sử dụng, không chìa khóa.

3.3.5. Đối với ông Tăng Ngọc T7:

01 (một) xe mô tô hai bánh kiểu dáng Wave, nhãn hiệu KORESIAM, số loại 110, xylanh 109cm³, số khung: RRVWCH3RV5A000984, số máy: VSAZS152FMH tình trạng đã cũ, không chìa khóa.

3.3.6. Trả lại cho bà Phạm Lệ H số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng.

4. Tạm giữ số tiền 3.900.000 (ba triệu chín trăm nghìn) đồng của bị cáo Nguyễn Thị X sung vào ngân sách Nhà nước.

(theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 30/8/2023 và ủy nhiệm chi ngày ngày 31/8/2023 tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Bình Dương)

5. Về án phí sơ thẩm: các bị cáo Phạm Văn K, Nguyễn Thị X, Lê Duy T5, Đoàn Minh L và Lê Trần Quốc P phải chịu mỗi bị cáo 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (Vụ GDKT1);
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Trại Tạm giam – Công an tỉnh Bình Dương (5);
- Phòng PC01 - Công an tỉnh Bình Dương (2);
- Phòng PV06 - Công an tỉnh Bình Dương;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương (2);
- Bị cáo (5);
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (3);
- Luật sư bào chữa cho bị cáo (3);
- UBND cấp xã nơi các bị cáo cư trú (5);
- Phòng KTNV và THA (15);
- Lưu: VT (2), hồ sơ vụ án, NMT, 54.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Huỳnh Đức